

# TỎ LÒNG

(Thuật hoài)

PHẠM NGŨ LÃO

## KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Hiểu được lí tưởng cao cả và khí phách anh hùng của tác giả – một vị tướng giỏi thời Trần.
- Thấy được những hình ảnh có sức diễn tả mạnh mẽ của bài thơ.

## TIỂU DẪN

Phạm Ngũ Lão (1255 - 1320) quê ở làng Phù Ủng, huyện Đường Hào (nay thuộc huyện Ân Thi), tỉnh Hưng Yên, thuộc tầng lớp binh dân. Năm ông ngoài hai mươi tuổi, Hưng Đạo Vương thấy ông là người có tài, tin dùng trong nhà và đem con gái nuôi gả cho. Sau Phạm Ngũ Lão làm đến chức Điện suý thượng tướng quân, được phong tước Quan nội hầu. Ông có nhiều công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên. *Đại Việt sử kí toàn thư* chép: "Ngũ Lão thích đọc sách, người phóng khoáng, có chí làm việc lớn, thích ngâm thơ, về việc võ hình như ít bận tâm. Nhưng đội quân của ông đều một lòng thân yêu như cha với con, đánh đâu được đấy".

Tác phẩm của ông chỉ còn lại hai bài thơ chữ Hán: *Tỏ lòng* và *Viếng Thượng tướng quốc công Hưng Đạo Đại Vương*.

\*  
\* \*

*Phiên âm:*

Hoành sóc giang sơn kháp kỉ thu,  
Tam quân tì hổ khí thôn ngưu.  
Nam nhi vị liễu công danh trái,  
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu.

*Dịch nghĩa:*

Cầm ngang ngọn giáo trấn giữ đất nước vừa chẵn<sup>(1)</sup> mấy thu,  
Ba quân dũng mãnh như hổ báo<sup>(2)</sup> khí thế nuốt trâu<sup>(3)</sup>.

(1) *Vừa chẵn*: dịch chữ *kháp*, có nghĩa *vừa vặn*.

(2) *Ba quân*: dịch chữ *tam quân*, chỉ quân đội. *Hổ báo*: dịch chữ *tì hổ*, loài mãnh thú, thường ví với quân đội dũng mãnh.

(3) *Khí thế nuốt trâu*: sách xưa có ghi: "Giống hổ báo, con non tuy chưa có vằn mà đã có khí thế nuốt trâu". Về sau "khí thế nuốt trâu" trở thành biểu tượng chỉ người trẻ tuổi mà khí phách anh hùng.

Nam nhi mà chưa trả được nợ công danh<sup>(1)</sup>,  
Xấu hổ khi nghe người ta nói chuyện Vũ hầu<sup>(2)</sup>.

*Dịch thơ :*

*Múa giáo non sông trải mấy thu,  
Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu.  
Công danh nam tử<sup>(3)</sup> còn vương nợ,  
Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu.*

BÙI VĂN NGUYỄN dịch  
(Theo *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập II –  
*Văn học thế kỉ X- thế kỉ XVII*, NXB Văn học, Hà Nội, 1976)

### HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Nhận xét điểm khác nhau trong cách dịch nghĩa và dịch thơ ở câu 1.
2. Hãy tìm những hình ảnh thể hiện khí phách anh hùng của vị tướng và quân đội của ông.
3. Anh (chị) hiểu nợ công danh là gì ? Quan niệm công danh là món nợ mà nam nhi phải trả có ý nghĩa tích cực ở chỗ nào ?
4. Hai câu cuối bài thơ nói lên lí tưởng, khát vọng gì của tác giả ? Vũ hầu là ai ? "Thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu" ở đây có ý nghĩa như thế nào ?
5. Học thuộc lòng bài thơ dịch.

### BÀI TẬP NÂNG CAO

Lí tưởng công danh của Phạm Ngũ Lão qua bài *Tỏ lòng* có gì giống với lí tưởng của Nguyễn Công Trứ (1778 - 1858) qua bài *Nợ nam nhi* sau đây :

- 
- (1) *Công danh* : ở đây dùng với nghĩa ban đầu là công lao và danh tiếng. Về sau hiểu công danh là đỗ đạt và làm quan, cho nên có cụm từ : công danh phú quý, công danh lợi lộc.
  - (2) *Vũ hầu* : chỉ Gia Cát Lượng, tức Khổng Minh, người nổi tiếng có tài dùng binh và rất mực trung thành, tận tụy với sự nghiệp giúp Lưu Bị lập nên nhà Thục Hán. Ông được phong tước Vũ Lượng hầu, gọi tắt là Vũ hầu. (Thời phong kiến có năm tước vị được phong, tính từ cao xuống : công, hầu, bá, tử, nam).
  - (3) *Nam tử* : dịch chữ *nam nhi*, chỉ kẻ làm trai.

Tang bổng hồ thi<sup>(1)</sup> nam nhi trái<sup>(2)</sup>,  
Cái công danh là cái nợ lân<sup>(3)</sup>.  
Nặng nề thay đôi chữ quân thân<sup>(4)</sup>,  
Đạo vì tử vi thân<sup>(5)</sup> đâu có nhẹ !  
Cũng rắp đến viên vui thú vị,  
Trót đem thân thế hẹn tang bổng.  
Xếp bút nghiên theo việc kiếm cung,  
Hết hai chữ trung trinh báo quốc.  
Một mình để vì dân vì nước,  
Túi kinh luân<sup>(6)</sup> từ trước để nghìn sau.  
Hơn nhau một tiếng công hầu.